

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HOÁ
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04- 6-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Triệu Thị Yên.

2. Ông Hoàng Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tô Song H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh T, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh T, vắng mặt, phiên tòa triệu tập lần thứ 02.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Tô Song H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và không bị ai cưỡng ép lừa dối kết hôn, đã đăng ký kết hôn ngày 30/11/2009 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh T và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh và chị H sống tại thôn

T xã P, huyện C, tỉnh T. Cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng tháng 4 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và thực tế anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2015 đến nay. Anh và chị H đã không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Lê Thị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Tô Lê K, sinh ngày 06/5/2010 và Tô Hoàng L, sinh năm 12/5/2012. Nay ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K, cháu L và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập chị Lê Thị H đến để giải quyết việc anh Tô Song H đề nghị ly hôn nhưng chị H đều không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với các nội dung đơn khởi kiện của anh Tô Song H. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã P, huyện C, tỉnh T. Theo lời khai của bà Trần Thị T (mẹ đẻ của chị Lê Thị H) thì anh Tô Song H và chị Lê Thị H được tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn không bị ai lừa dối, cưỡng ép kết hôn. Sau khi kết hôn, chị H và anh H chung sống tại thôn T, xã P, huyện C, tỉnh T. Cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh H có mâu thuẫn phát sinh như nào bà không rõ. Tuy nhiên đến khoảng năm 2018 thì chị H chuyển về sinh sống với gia đình bà được 01 năm thì chị H đi làm ăn xa. Bà có hỏi chị H cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh H thì chị H nói là không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa. Quá trình chung sống chị H và anh H có 02 người con chung là Tô Lê K, sinh năm 2010 và Tô Hoàng L, sinh năm 2012. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh H. Chị H và anh H có tài sản chung và nợ chung không thì bà không biết. Bà có nhận Thông báo Thụ lý vụ án và các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án gửi cho chị H. Do chị H đi làm ăn xa, không nói cụ thể ở đâu và ít về gia đình, chỉ liên lạc với gia đình bằng điện thoại nên bà chỉ có thể thông tin lại việc Tòa án triệu tập cho chị H qua hình thức điện thoại. Chị H có thông tin lại cho bà là do điều kiện công việc chị H không về để giải quyết việc anh H xin ly hôn với chị được, chị hoàn toàn nhất trí ly hôn với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà không có địa chỉ cụ thể nơi và nơi làm việc của chị H nên không cung cấp được cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ

luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 51, 53, 56 và 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của anh Tô Song H. Cho anh Tô Song H được ly hôn với chị Lê Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Tô Lê K, sinh ngày 06/5/2010 và cháu Tô Hoàng L, sinh năm 12/5/2012 cho anh Tô Song H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tô Song H không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Tô Song H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Tô Song H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn với chị Lê Thị H; chị Lê Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã P, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, chị Lê Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã P, huyện C, tỉnh T. Chị H thường xuyên đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị H đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập cho chị H nhưng chị H không đến Tòa án và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn chị Lê Thị H vẫn vắng mặt lần thứ hai, anh Tô Song

H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Song H và chị Lê Thị H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2009 tại UBND xã P, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 4 năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh H và chị H đã sống ly thân từ 11 năm 2015 đến nay. Do cả hai không cùng chung sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của anh H, chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Song H, xử cho anh H được ly hôn với chị Lê Thị H.

[2.2] Về con chung: Anh Tô Song H và chị Lê Thị H có 02 con chung là cháu Tô Lê K, sinh ngày 06/5/2010 và cháu Tô Hoàng L, sinh năm 12/5/2012. Xét thấy hiện chị Lê Thị H không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao cháu K, cháu L cho anh Tô Song H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tô Song H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Tô Song H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của anh Tô Song H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tô Song H được ly hôn với chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Tô Lê K, sinh ngày 06/5/2010 và cháu Tô Hoàng L, sinh năm 12/5/2012 cho anh Tô Song H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Anh Tô Song H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002903 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Chị Lê Thị H không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Tô Song H và chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã P, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phúc An Hoàn